TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HS-ST
Ngày 28 - 9 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Trọng Hoành
Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo: Trần Thanh D , sinh ngày 26 tháng 12 năm 1997 tại thôn 8 xã Y , huyện Y , tỉnh T .

Nơi cư trú: Thôn 8 xã Y , huyện Y , tỉnh T ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thanh H và bà Lê Thị G ; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Chưa có vợ con;

- Tiền sự: Không;
- Tiền án: Ngày 21/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 16 tháng 10 ngày tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Ngày 08/9/2017 bị cáo chấp hành xong
- Nhân thân: Ngày 10/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội: "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2018 đến nay.

- Người làm chứng: 1. Anh Nguyễn Văn C - sinh năm 1987. Vắng mặt

Trú tại: Thôn 3 xã T , huyện T , tỉnh T .

2. Anh Nguyễn Văn B - sinh năm 1987. Vắng mặt

Trú tại: Thôn T xã T , huyện T , tỉnh T

3. Chị Lương Thị T - sinh năm 1976. Vắng mặt

Trú tại: Bản Đ , xã L , huyện L , tỉnh T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Vào tháng 3/2018 chị Tạ Thị L là chủ quán "Cà phê 102" ở khu 4 thị trấn T có cho Trần Thanh D thuê lại quán với giá 5.000.000đ/tháng để kinh doanh. Sau khi thuê lại quán thì D đổi tên quán thành tên "Hát karaoke em và tôi". Quá trình kinh doanh đến tháng 5/2018 D nảy sinh ý định tìm gái bán dâm để hoạt động mại dâm kiếm tiền.

Sáng ngày 27/5/2018 Lương Thị T đến quán của D để xin làm nhân viên. Qua trao đổi D hỏi T có đồng ý bán dâm không thì T đồng ý. Hai bên thỏa thuận: Nếu có khách mua dâm thì T là người bán dâm còn D là người thu tiền của khách mua dâm với giá 200.000đ/lần bán dâm. Số tiền này D chia cho T 100.000đ còn lại 100.000đ D giữ lại lo ăn ở cho T .

Khoảng 09h 45 phút cùng ngày 27/5/2018 Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn C đến quán "Hát karaoke em và tôi" của D ở khu 4 thị trấn T , huyện T để mua dâm. Đến quán gặp D là quản lý của quán thì B hỏi D : "Còn nhân viên không sắp xếp cho hai cô" (Tức là có gái bán dâm không). D trả lời: "Còn có một người thôi". B nói: "Còn một em thì để bạn em đi" ý là để C mua dâm. D nói giá một lần mua dâm là 200.000đ thì C đồng ý. D chỉ cho C đi vào phòng đã có T chờ sẵn. B đưa cho D 400.000đ và nói: 200.000đ tiền mua dâm cho C và 200.000đ để cho C uống nước, sau đó B lấy xe máy đi ra ngoài. Khi cả hai đang quan hệ tình dục thì bị lực lượng Công an huyện T phát hiện bắt quả tang và lập Biên bản phạm tội quả tang đối với Trần Thanh D về hành vi chứa mại dâm. Thu giữ tại phòng nghỉ 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Vip màu vàng và 01 bao cao su đã qua sử dụng. Thu giữ của D số tiền 400.000đ.

Tiến hành khám xét khẩn cấp quán của D cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T thu giữ tại phòng nghỉ một hộp màu vàng bên trong chứa 42 hộp nhỏ, mỗi hộp có 03 bao cao su màu vàng, nhãn hiệu Vip plus chưa qua sử dụng.

Vật chứng của vụ án gồm: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 400.000đ ; 01 vỏ bao cao su và 01 bao cao su nhãn hiệu Vip màu vàng đã qua sử dụng; một hộp màu vàng bên trong chưa 42 hộp nhỏ, mỗi hộp có 03 bao cao su màu vàng,

nhãn hiệu Vip plus chưa qua sử dụng đang được quản lý tại chi cục thi hành án dân sự huyện T .

Cáo trạng số 48/VKS -HS ngày 14/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trần Thanh D về tội : "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thanh D phạm tội: "Chứa mại dâm". Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 327; Điểm s khoản 1 điều 51; Điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thanh D từ 18(Mười tám)đến 24(Hai mươi tư)tháng tù; Đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy tang vật của vụ án theo quy định pháp luật; Trả lại cho bị cáo 200.000đ; Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào khoảng 10h ngày 27/5/2018 bị cáo Trần Thanh D đã có hành vi đồng ý cho gái bán dâm tại quán “Hát karaoke em và tôi” do D quản lý. Hành vi của bị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội: “Chứa mại dâm”.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Trần Thanh D phạm tội: "Chứa mại dâm" theo khoản 1 điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015.

Cáo trạng số 48/VKS -HS ngày 14/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất của vụ án thì HĐXX thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng.

Xét về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thì HĐXX thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm trật tự trị an, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì hám lợi mà bị cáo đã

lợi dụng cả thân xác của người phụ nữ để kiếm tiền. Hành vi của bị cáo là trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc ta và còn có khả năng gieo rắc bệnh tật nguy hiểm qua nhiều người, hành vi đó đang bị xã hội lên án mạnh mẽ. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm minh mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và có tác dục phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Khi xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có một tiền án: Ngày 21/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 16 tháng 10 ngày tù về tội: Trộm cắp tài sản. Ngày 08/9/2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm nhiệm hình sự là: "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 BLHS; Ngoài ra bị cáo có nhân thân: Ngày 10/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội: "Trộm cắp tài sản". Vì vậy HĐXX bắt bị cáo cách ly xã hội một thời gian. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo. Do đó bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo D có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố thường xuyên ốm đau, bản thân bị cáo phải chấp hành án phạt tù nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[II]. Xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là 01 vỏ bao cao su và 01 bao cao su nhãn hiệu Vip màu vàng đã qua sử dụng; Một hộp màu vàng bên trong chứa 42 hộp nhỏ, mỗi hộp có 03 bao cao su màu vàng, nhãn hiệu Vip plus chưa qua sử dụng đều là vật không có giá trị nên HĐXX căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 47 BLHS năm 2015 và điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS năm 2015 tịch thu và tiêu huỷ. Đối với số tiền 200.000đ là tiền do phạm tội mà có nên căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 200.000đ là tiền bị cáo bán nước không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

[III] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1điều 327; Điểm s khoản 1 điều 51; Điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh D phạm tội : "Chứa mại dâm"

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh D 16(Mười sáu)tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 27/5/2018.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 vỏ bao cao su và 01 bao cao su nhãn hiệu Vip màu vàng đã qua sử dụng; Một hộp màu vàng bên trong chưa 42 hộp nhỏ, mỗi hộp có 03 bao cao su màu vàng, nhãn hiệu Vip plus chưa qua sử dụng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000đ

Trả lại cho bị cáo Trần Thanh D số tiền 200.000đ.

Toàn bộ số vật chứng trên thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 52 ngày 27/9/2018 của chi cục THADS huyện T .

- Về án phí : Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc bị cáo Trần Thanh D phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND;
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T ; tỉnh T
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng